

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ -
ST Ngày: 19 - 9 - 2024.
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI - TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Thu Hòa**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tiến Tùng**

2. Ông **Phạm Văn Ngộ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Lan Anh** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Hà Huy T** - sinh năm 1966. Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Hà Thị H** - sinh năm 1964. Trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu của nguyên đơn Hà Huy T:

Trong đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Hà Huy T trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Hà Thị H có đăng ký kết hôn năm 1988 và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tuy nhiên do bị mất đăng ký kết hôn nên ngày 17/12/2002 hai ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống, thời gian đầu ông bà

chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xã T. Tuy nhiên tới cuối năm 1994 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi, chửi và xô xát với nhau. Đến năm 2016, do mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên ông đã đi làm ăn ở nơi khác, ông và bà H sống ly thân từ đó tới nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không có sự quan tâm, chia sẻ và không có trách nhiệm cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. thỉnh thoảng có công việc ông mới về qua nhà, tuy nhiên, khi về nhà, 2 vợ chồng cũng chủ yếu là cãi chửi và đánh nhau, do đó ông cũng không ở lại lâu, thường bỏ đi luôn. Hai bên gia đình và các con cũng đã khuyên giải nhiều lần tuy nhiên 2 vợ chồng ông bà không còn tình cảm, không thể duy trì và hàn gắn được tình nghĩa vợ chồng.

Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

* *Về con chung*: Ông và bà H có 02 (hai) con chung là Hà Thị Hương N sinh ngày 08/9/1988 và Hà Duy N1, sinh ngày 22/12/1990, các con chung đều đã trên 18 tuổi, các con chung đều có gia đình riêng, khỏe mạnh và phát triển bình thường, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung*: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ chung*: Ông và bà H không có nợ chung

2. Ý kiến của bị đơn Hà Thị H:

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị H trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Bà đã đăng ký kết hôn với ông Hà Huy T từ năm 1988, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau đó giấy đăng ký kết hôn bị hỏng nên hai ông bà đăng ký kết hôn lại vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại xã T. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thậm chí đánh chửi nhau do ông T mãi chơi, cờ bạc, rượu chè. Nhiều lần ông T đi chơi về, gây sự đánh bà, đồng thời đập phá đồ đạc trong nhà và bỏ đi. Đến khoảng năm 2016, ông T chính thức bỏ nhà đi ở nơi khác và vợ chồng ông bà sống ly thân với nhau từ đó tới nay. Ông T bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình, con cái, còn lại một mình bà phải tự gồng gánh gia đình, nuôi con, đứng ra dựng vợ, gả chồng cho các con. Đã nhiều lần gia đình hai bên, con cái khuyên giải, tuy nhiên không có kết quả. Nay ông T đề nghị ly hôn, bà không nhất trí vì bà cho rằng, bà đã trải qua nhiều khó khăn và phải chịu đựng ông T từ trước

cho đến nay, hơn nữa bà không có ý định kết hôn nữa nên bà không đồng ý ly hôn với ông T.

* *Về con chung*: Bà và ông T có 02 (hai) con chung là Hà Thị Hương N sinh ngày 08/9/1988 và Hà Duy N1, sinh ngày 22/12/1990, các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh, có gia đình riêng, tự lao động nuôi sống mình. Do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ chung*: Bà và ông T hiện tại không có nợ chung

3. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương nơi cư trú và gia đình đương sự xác định: Ông T và bà H là vợ chồng, tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T) theo quy định. Quá trình chung sống, ông bà thường xảy ra cãi vã, xô sát với nhau. Khoảng năm 2016 ông T bỏ nhà đi và ông T, bà H đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Gia đình và các con đã khuyên giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà H.

4. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – ông Hà Huy T giữ nguyên lời trình bày và quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn vắng mặt nên không có trình bày tại phiên tòa.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa; Bị đơn được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Hà Huy T.

Về quan hệ hôn nhân: ông Hà Huy T được ly hôn với bà Hà Thị H

Về con chung: Đề nghị không giải quyết do 02 con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà H đều xác định không có nợ chung do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Hà Huy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn đối với bà Hà Thị H, bị đơn là bà H có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án triệu tập họp lệ bị đơn Hà Thị H đến phiên toà lần thứ hai, tuy nhiên bà H vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Hà Thị H.

[2] Về nội dung vụ án:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Hà Huy T và bà Hà Thị H đăng ký kết hôn năm 1988 và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tuy nhiên do bị mất đăng ký kết hôn nên ngày 17/12/2002 hai ông bà đi đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống, thời gian đầu ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xã T. Tuy nhiên tới cuối năm 1994 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi, chửi và xô xát với nhau. Đến năm 2016, do mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên ông T đã chính thức bỏ nhà đi. Từ thời điểm đó tới nay ông T và bà H sống ly thân, mỗi người một cuộc sống riêng, không có sự quan tâm, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thỉnh thoảng ông T có về qua nhà, nhưng vợ chồng lại cãi chửi và đánh nhau và ông T lại bỏ đi. Hai bên gia đình và

các con cũng đã khuyên giải nhiều lần tuy nhiên không có kết quả.

Như vậy, có thể thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H tồn tại mâu thuẫn kéo dài, có sự vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ, quyền của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của ông Hà Huy T xin ly hôn với bà Hà Thị H.

** Về con chung:* Ông và bà H có 02 (hai) con chung là Hà Thị Hương N sinh ngày 08/9/1988 và Hà Duy N1, sinh ngày 22/12/1990, các con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về tài sản chung:* Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

** Về nợ chung:* Ông T và bà H không có nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Hà Huy T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án: Xét thấy là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Huy Tước

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Huy T được ly hôn bà Hà Thị H

2. Về con chung: Các con chung của ông T, bà H đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông T và bà H không có nợ chung.

5. Về án phí: Ông Hà Huy T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001844, ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọ

Nguyễn Tiến Tùng

Lường Thị Thu Hòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Chợ Mới (03b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Thanh Thịnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lường Thị Thu Hoà